ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1743 /QĐ-UBND	*Quảng Điền, ngày 13 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, nâng cấp, tiêu chuẩn hóa sản phẩm "Bún Ô Sa", xã Quảng Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) giai đoạn 2019 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về việc giao kinh phí thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án hoàn thiện, nâng cấp, tiêu chuẩn hóa sản phẩm "Bún Ô Sa", xã Quảng Vinh, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên kế hoạch/dự án: Dự án hoàn thiện, nâng cấp, tiêu chuẩn hóa sản phẩm "Bún Ô Sa", xã Quảng Vinh.

2. Đơn vị thực hiện: Tổ hợp tác Bún Ô Sa, xã Quảng Vinh.

3. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và PTNT.

4. Thời gian thực hiện: Từ tháng 8/2020 đến tháng 12/2020.

5. Mục tiêu: Hoàn thiện, nâng cấp và tiêu chuẩn hóa sản phẩm Bún Ô Sa theo Bộ tiêu chí sản phẩm OCOP (Quyết định số 1.048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng Chương trình mỗi xã một sản phẩm).

6. Kinh phí thực hiện: 159.490.000 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu Quốc gia: 149.4900.000 đồng.

- Vốn đối ứng: 10.000.000 đồng.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Quảng Vinh; Tổ Trưởng Tổ hợp tác bún Ô Sa và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ+CVKT;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền
Email:

Trương Duy Hải

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2020
của UBND huyện Quảng Điền)

Stt	Nội dung	Mô tả nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn vốn		Căn cứ	Ghi chú
							Nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG	Đối ứng		
Tổng cộng						**159.490.000**	**149.490.000**	**10.000.000**		
I	**Hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm**	**Hỗ trợ hoàn thiện, nâng cấp sản phẩm**				**92.500.000**	**82.500.000**			
1	**Bao bì, nhãn mác**					**45.000.000**	**45.000.000**			
1.1	Thiết kế nhãn hiệu sản phẩm (logo và nhãn)		Bộ thiết kế	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		Điểm g, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
1.2	In nhãn hiệu sản phẩm		Bộ	6.000	5.000	30.000.000	30.000.000		Điểm g, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
2	**Hoạt động quảng bá**					**37.500.000**	**37.500.000**			
2.1	Xây dựng tờ rơi giới thiệu sản phẩm					17.500.000	17.500.000			
2.1.1	Chi viết câu chuyện sản phẩm		Bản	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		Điểm b, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 07	
2.1.2	Thiết kế tờ rơi		Thiết kế	1	8.000.000	8.000.000	8.000.000		Điểm b, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-	

									BTC	
2.1.3	In tờ rơi		Tờ	1.500	3.000	4.500.000	4.500.000		Điểm g, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
2.2	Xây dựng dữ liệu sản phẩm (truy xuất nguồn gốc QR)		Bộ dữ liệu	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		Điểm b, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
2.3	Thiết kế website		Website	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		Điểm b, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
3	**Công bố chất lượng**					**10.000.000**		**10.000.000**		
3.1	Kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm		Phiếu kiểm nghiệm	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	Điểm g, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
3.2	Công bố chất lượng sản phẩm		Hồ sơ công bố chất lượng	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	Điểm g, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC	
II	**Chi thuê tư vấn triển khai Chương trình OCOP**					**60.900.000**	**60.900.000**		**Điểm a, khoản 1, Điều 20b, Thông tư số 08/2019/TT-BTC**	

2.1	**Tư vấn xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm**	Tư vấn chỉ tiêu kiểm nghiệm sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm và công bố tiêu chuẩn sản phẩm				**17.500.000**	**17.500.000**			
a	Nghiên cứu, khảo sát thông tin tại cơ sở					14.500.000	14.500.000			
	Chi phí di chuyển Hà Nội - Quảng Điền		Lượt	2	6.000.000	12.000.000	12.000.000		Khoán theo thực tế	1 người * 2 lượt đi, về
	Chuyên gia mức 3		Ngày	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	1 người * 2 ngày
	Phụ cấp lưu trú		Ngày	2	200.000	400.000	400.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	1 người * 2 ngày
	Thuê phòng nghỉ		Người ngày	1	300.000	300.000	300.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	1 người * 2 ngày
b	Nội nghiệp	- Báo cáo hoạt động tư vấn xây dựng tiêu chuẩn sản phẩm - Soạn tiêu chuẩn sản phẩm, công bố tiêu chuẩn sản phẩm				3.000.000	3.000.000			
	Chuyên gia mức 3		Công	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 3 công
	Chuyên gia mức 4		Công	2	600.000	1.200.000	1.200.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 5 công
2.2	**Tư vấn xây dựng Kế hoạch kiểm soát chất lượng**	Tư vấn, hướng dẫn chủ thể xây dựng Kế hoạch kiểm soát chất lượng				**17.300.000**	**17.300.000**			

a	Triển khai hoạt động tư vấn trực tiếp tại cơ sở					**14.300.000**	**14.300.000**			
	Chi phí di chuyển Hà Nội - Quảng Điền		Lượt	2	6.000.000	12.000.000	12.000.000		Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt đi, về
	Chuyên gia mức 3		Ngày	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	1 người * 2 ngày
	Phụ cấp lưu trú		Ngày	1	200.000	200.000	200.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	2 người * 2 ngày
	Thuê phòng nghỉ		Người ngày	1	300.000	300.000	300.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	2 người * 2 ngày
b	Nội nghiệp	- Báo cáo tổng hợp nội dung tư vấn xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng - Xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm				3.000.000	3.000.000			
	Chuyên gia mức 3		Công	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 2 công
	Chuyên gia mức 4		Công	2	600.000	1.200.000	1.200.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 4 công
2.3	**Tư vấn xây dựng hồ sơ lô**	Tư vấn, trao đổi với chủ thể xây để dựng và hoàn thiện hồ sơ lô				***17.300.000***	***17.300.000***			
a	Triển khai hoạt động tư vấn trực tiếp tại cơ sở					***14.300.000***	***14.300.000***			
	Chi phí di chuyển Hà Nội - Quảng Điền		Lượt	2	6.000.000	12.000.000	12.000.000		Khoán theo thực tế	2 người * 2 lượt đi, về

	Chuyên gia mức 3		Ngày	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	1 người * 2 ngày
	Phụ cấp lưu trú		Ngày	1	200.000	200.000	200.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	2 người * 1 ngày
	Thuê phòng nghỉ		Người ngày	1	300.000	300.000	300.000		Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND	2 người * 2 ngày
b	Nội nghiệp	- Báo cáo tổng hợp nội dung tư vấn xây dựng hồ sơ lô - Xây dựng biểu mẫu hồ sơ lô				3.000.000	3.000.000			
	Chuyên gia mức 3		Công	2	900.000	1.800.000	1.800.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 2 công
	Chuyên gia mức 4		Công	2	600.000	1.200.000	1.200.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 4 công
2.4	**Tư vấn hoàn thiện hồ sơ OCOP**	Tư vấn hướng dẫn chủ thể xây dựng, hoàn thiện hồ sơ OCOP qua mail, điện thoại				**8.800.000**	**8.800.000**			
	Chuyên gia mức 2		Công	4	1.300.000	5.200.000	5.200.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 2 công
	Chuyên gia mức 3		Công	4	900.000	3.600.000	3.600.000		Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH	2 người * 4 công
2.5	**Khác**									
	Thuế VAT		**%**	10		6.090.000	6.090.000			
Tổng cộng						**159.490.000**	**149.490.000**	**10.000.000**		